

QUYẾT ĐỊNH
Về việc bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật NSNN;

Căn cứ Quyết định số 25/2025/QĐ-UBND ngày 27/8/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 2718/QĐ-UBND ngày 18/8/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 của tỉnh Tây Ninh sau sắp xếp;

Căn cứ Quyết định số 11981/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc bổ sung dự toán chi NSNN năm 2025 cho đơn vị: Sở Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của phòng Kế hoạch – Tài chính - Sở Giáo dục và Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Căn cứ bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 được giao, Thủ trưởng đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính, Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

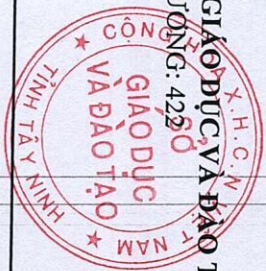
- Như điều 3;
- Sở Tài chính;
- Đơn vị sử dụng ngân sách;
- KBNN nơi giao dịch;
- Lưu: VT, P.KHTC.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Quang Thái

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CHƯƠNG: 4220



BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 1480/QĐ-SGDDT ngày 31/12/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

ĐVT: 1.000 đ

CHI TIẾT THEO ĐƠN VỊ												
ST T	Nội dung	Tổng số phân bổ	Tổng SNPT	Cộng loại 070- K074	THPT Chuyên Trần Văn Giàu	THPT Lê Quý Đôn	THPT Thủ Thừa	THPT Mỹ Lạc	THPT Tân Trụ	THPT Nguyễn Trùng Trục	THPT Nguyễn Hữu Thọ	THPT Gò Đen
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí, sự nghiệp											
1	Số thu phí, lệ phí, sự nghiệp	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.1	Thu Sự nghiệp	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
a	Học phí	0	-	-								
b	Thu khác	0	-	-								
2	Chi từ nguồn thu phí, sự nghiệp được để lại	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.1	Chi từ nguồn thu sự nghiệp	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
a	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	-	-								
3	Số phí, lệ phí, sự nghiệp nộp NSNN	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3.1	Số thu sự nghiệp nộp NSNN	0	-	-								
II	Dự toán chi NSNN (I)	27.805.823	27.805.823	27.805.823	147.928	374.458	349.410	298.425	310.043	278.680	755.251	895.280
1	Chi quản lý hành chính- MNKT341	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0	-	-								
	Đã giữ lại 10% tiết kiệm tại ngân sách tỉnh	0	-	-								
	- Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	0	-	-								
	Đã giữ lại 10% tiết kiệm tại ngân sách tỉnh	0	-	-								
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	27.805.823	27.805.823	27.805.823	147.928	374.458	349.410	298.425	310.043	278.680	755.251	895.280

ST T	Nội dung	Tổng số phân bổ	CHI TIẾT THEO ĐƠN VỊ									
			Tổng SNPT	Cộng loại 070-K074	THPT Chuyên Trần Văn Giàu	THPT Lê Quý Đôn	THPT Thủ Thừa	THPT Mỹ Lạc	THPT Tân Trụ	THPT Nguyễn Trung Trực	THPT Nguyễn Hữu Thọ	THPT Gò Đen
2.1	Giáo dục MN, TH, THPT, giáo dục nghề nghiệp-GDTX, giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng, các nhiệm vụ phục vụ giáo dục	/ 27.805.823	27.805.823	27.805.823	147.928	374.458	349.410	298.425	310.043	278.680	755.251	895.280
a	- Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	-	-								
	Đã giữ lại 10% tiết kiệm tại ngân sách tỉnh	0	-	-								
b	- Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	27.805.823	27.805.823	27.805.823	147.928	374.458	349.410	298.425	310.043	278.680	755.251	895.280
	Đã giữ lại 10% tiết kiệm tại ngân sách tỉnh	0	-	-								
2.2	Chi đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ khác cho cán bộ, công chức-MINKT 085	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	- Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	-	-								
	Mã số đơn vị sử dụng NSNN				1104078	1007232	1064818	1064817	1006981	1085007	1044537	1085010
	Mã số kho bạc Nhà nước nơi giao dịch				0511	0511	0514	0514	0511	0511	0514	0514

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CHƯƠNG: 422



TỈNH TÂY NINH

Nội dung		CHI TIẾT THEO ĐƠN VỊ											
		THCS & THPT Lương Hòa	THPT Cần Giuộc	THPT Nguyễn Đình Chiểu	THPT Rạch Kiến	THPT Chu Văn An	THPT Đông Thạnh	THPT Long Hựu Đông	THPT Đức Hòa	THPT Võ Văn Tần	THPT Hậu Nghĩa	THPT An Ninh	THPT Đức Huệ
Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí, sự nghiệp													
Số thu phí, lệ phí, sự nghiệp		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Thu Sự nghiệp		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Học phí													
Thu khác													
Chi từ nguồn thu phí, sự nghiệp được để lại		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi từ nguồn thu sự nghiệp		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên													
Số phí, lệ phí, sự nghiệp nộp NSNN		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số thu sự nghiệp nộp NSNN													
Dự toán chi NSNN (1)		1.198.608	1.275.681	1.780.464	807.757	714.660	2.109.041	102.929	1.940.310	1.601.164	1.882.497	1.316.847	1.726.393
Chi quản lý hành chính- MNKT341		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ													
Đã giữ lại 10% tiết kiệm tại ngân sách tỉnh													
- Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ													
Đã giữ lại 10% tiết kiệm tại ngân sách tỉnh													
Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề		1.198.608	1.275.681	1.780.464	807.757	714.660	2.109.041	102.929	1.940.310	1.601.164	1.882.497	1.316.847	1.726.393

Nội dung	CHI TIẾT THEO ĐƠN VỊ											
	THCS & THPT Lương Hòa	THPT Cần Giuộc	THPT Nguyễn Đình Chiểu	THPT Rạch Kiến	THPT Chu Văn An	THPT Đông Thạnh	THPT Long Hựu Đông	THPT Đức Hòa	THPT Vô Văn Tản	THPT Hậu Nghĩa	THPT An Ninh	THPT Đức Huệ
Giáo dục MN, TH, THPT, giáo dục nghề nghiệp-GDTX, giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng, các nhiệm vụ phục vụ giáo dục	1.198.608	1.275.681	1.780.464	807.757	714.660	2.109.041	102.929	1.940.310	1.601.164	1.882.497	1.316.847	1.726.393
- Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên												
Đã giữ lại 10% tiết kiệm tại ngân sách tỉnh												
- Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.198.608	1.275.681	1.780.464	807.757	714.660	2.109.041	102.929	1.940.310	1.601.164	1.882.497	1.316.847	1.726.393
Đã giữ lại 10% tiết kiệm tại ngân sách tỉnh												
Chi đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ khác cho cán bộ, công chức-MNKT 085	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên												
Mã số đơn vị sử dụng NSNN	1085095	1044543	1085011	1044535	1085012	1044545	1084779	1060389	1085014	1060388	1060390	1044538
Mã số kho bạc Nhà nước nơi giao dịch	0514	0518	0518	0518	0518	0518	0518	0516	0516	0516	0516	0516

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CHƯƠNG: 422.X.H.C.N



Nội dung	CHI TIẾT THEO ĐƠN VỊ									
	THCS&THPT T Mỹ Quý	THPT Thành Hóa	THPT Tân Thạnh	THCS&THPT T Hậu Thạnh Đông	THPT Vĩnh Hưng	THCS & THPT Khánh Hưng	THCS & THPT Mỹ Bình	THCS & THPT Nguyễn Thị Mặt	THPT Nguyễn Trung Trục - Bến Lức	THPT Thiên Hộ Dương
Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí, sự nghiệp										
Số thu phí, lệ phí, sự nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Thu Sự nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Học phí										
Thu khác										
Chi từ nguồn thu phí, sự nghiệp được để lại	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi từ nguồn thu sự nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên										
Số phí, lệ phí, sự nghiệp nộp NSNN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số thu sự nghiệp nộp NSNN										
Dự toán chi NSNN (1)	1.261.342	627.027	839.997	1.188.109	26.962	481.914	683.224	1.086.342	1.411.633	333.447
Chi quản lý hành chính- MNKT341	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
Dã giữ lại 10% tiết kiệm tại ngân sách tỉnh										
- Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										
Dã giữ lại 10% tiết kiệm tại ngân sách tỉnh										
Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	1.261.342	627.027	839.997	1.188.109	26.962	481.914	683.224	1.086.342	1.411.633	333.447

Nội dung	CHI TIẾT THEO ĐƠN VỊ									
	THCS&THPT T Mỹ Quý	THPT Thành Hóa	THPT Tân Thành	THCS&THPT T Hậu Thành Đông	THPT Vĩnh Hưng	THCS & THPT Khánh Hưng	THCS & THPT Mỹ Bình	THCS & THPT Nguyễn Thị Một	THPT Nguyễn Trung Trục - Bến Lức	THPT Thiên Hộ Dương
Giáo dục MN, TH, THPT, giáo dục nghề nghiệp- GDTX, giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng, các nhiệm vụ phục vụ giáo dục	1.261.342	627.027	839.997	1.188.109	26.962	481.914	683.224	1.086.342	1.411.633	333.447
- Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên										
Đã giữ lại 10% tiết kiệm tại ngân sách tỉnh										
- Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.261.342	627.027	839.997	1.188.109	26.962	481.914	683.224	1.086.342	1.411.633	333.447
Đã giữ lại 10% tiết kiệm tại ngân sách tỉnh										
Chi đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ khác cho cán bộ, công chức-MNKT 085	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên										
Mã số đơn vị sử dụng NSNN	1084781	1044277	1064670	1064669	1007230	1084651	1085298	1084911	1132750	1131237
Mã số kho bạc Nhà nước nơi giao dịch	0516	0520	0520	0520	0524	0524	0516	0518	0514	0526

BỘ SÚNG DỰ TOÁN KINH PHÍ VƯỢT GIỜ NĂM 2025

ĐVT: 1.000 đồng

ST T	Tên đơn vị	Dự toán vượt giờ năm 2025			Số đã quyết toán				Dự ở kho bạc	Tổng cộng Kinh phí Vượt giờ còn lại năm 2025	Điều chỉnh vượt giờ HKI NH 2025- 2026 năm 2025 - đợt 10	Tổng số KP để nghị bỏ sung vượt giờ HKI NH 2024-2025 và HKI NH 2025- 2026 năm 2025	Bổ sung dự toán vượt giờ năm 2025
		Vượt giờ HKI NH 2024-2025	Vượt giờ HK I NH 2025- 2026	Tổng kinh phí Vượt giờ năm 2025	Tổng dự toán đã phân bổ năm 2025	NS nguồn 12	NS nguồn 13	Nguồn thu	Tổng cộng				
1	Trường THPT Tân An	369.389	200.008	569.397	579.400	369.389			369.389	210.011			
2	Trường THPT Chuyên Trần Văn Giàu	780.451	744.877	1.525.328	1.377.400	780.451			780.451	596.949	147.928	147.928	147.928
3	Trường THPT Lê Quý Đôn	389.479	374.458	763.937	202.300			187.179	389.479	-	374.458	374.458	374.458
4	Trường THPT Hùng Vương	294.126	-	294.126				294.126	294.126	-	0		-
5	Trường THPT Nguyễn Thông	28.894	-	28.894				28.894	28.894	-	0		-
6	Trường THPT Thái Thừa	495.982	349.410	845.392			495.982		495.982	-	349.410	349.410	349.410
7	Trường THPT Mỹ Lạc	229.635	298.425	528.060			229.635		229.635	-	298.425	298.425	298.425
8	Trường THPT Tân Tru	64.537	388.250	452.787			64.537		64.537	-	388.250	388.250	310.043
9	Trường THPT Nguyễn Trung Trục	109.208	278.680	387.888			109.208		109.208	-	278.680	278.680	278.680
10	Trường THPT Nguyễn Hữu Thọ	659.915	755.251	1.415.166			659.915		659.915	-	755.251	755.251	755.251
11	Trường THPT Gò Đen	755.524	895.680	1.651.204	549.400	549.000	206.524		755.524	400	895.280	895.280	895.280
12	Trường THCS&THPT Lương Hòa	1.070.391	1.198.950	2.269.341	812.200	811.858	258.533		1.070.391	342	1.198.608	1.198.608	1.198.608
13	Trường THPT Cánh Giò	937.968	554.513	1.492.481	216.800				-	216.800	1.275.681	1.275.681	1.275.681
14	Trường THPT Nguyễn Đình Chiểu	1.151.687	931.277	2.082.964	302.500				-	302.500	1.780.464	1.780.464	1.780.464
15	Trường THPT Cần Đước	112.414	122.032	234.446			112.414		112.414	-	122.032	122.032	-
16	Trường THPT Rạch Kiến	524.643	807.757	1.332.400			524.643		524.643	-	807.757	807.757	807.757
17	Trường THPT Chu Văn An	890.889	714.660	1.605.549	884.917	884.917		5.972	890.889	-	714.660	714.660	714.660
18	Trường THPT Đồng Thành	1.207.884	1.163.957	2.371.841	262.800				-	262.800	2.109.041	2.109.041	2.109.041
19	Trường THPT Long Cang	541.385	533.028	1.074.413	920.116	541.385			541.385	378.731	154.297		-
20	Trường THPT Long Hậu Đông	389.185	102.929	492.114			389.185		389.185	-	102.929	102.929	-
21	Trường THPT Đức Hoà	1.677.788	1.940.253	3.618.041	1.224.900	1.224.900	452.831		1.677.731	-	1.940.310	1.940.310	1.940.310
22	Trường THPT Võ Văn Tần	1.468.196	1.601.164	3.069.360	1.423.400	1.423.400		44.796	1.468.196	-	1.601.164	1.601.164	1.601.164
23	Trường THPT Hậu Nghĩa	2.353.067	1.883.214	4.236.281	2.132.100	2.131.609		221.458	2.353.067	491	1.882.723	1.882.497	1.882.497
24	Trường THPT An Ninh	1.312.320	1.316.896	2.629.216	900.000	899.951	412.369		1.312.320	49	1.316.847	1.316.847	1.316.847
25	Trường THPT Đức Huệ	1.017.593	1.783.600	2.801.193	1.074.800	1.017.593	610.250		1.017.593	57.207	1.726.393	1.726.393	1.726.393
26	Trường THCS&THPT Mỹ Quý	1.220.150	1.261.342	2.481.492	609.900	609.900		1.220.150	1.220.150	-	1.261.342	1.261.342	1.261.342
27	Trường THPT Thanh Hoà	452.586	627.027	1.079.613			452.586		452.586	-	627.027	627.027	627.027
28	Trường THPT Tân Thành	727.213	839.997	1.567.210	672.700	672.700		54.513	727.213	-	839.997	839.997	839.997
29	THCS&THPT Hậu Thạnh Đông	562.505	625.604	1.188.109					-	-	1.188.109	1.188.109	1.188.109
30	Trường THPT Kiến Tường	39.390	66.164	105.554			39.390		39.390	-	66.164	66.164	-
31	Trường THPT Vĩnh Hưng	91.889	26.962	118.851				91.889	91.889	-	26.962	26.962	26.962

ST T	Tên đơn vị	Dự toán vượt giờ năm 2025			Tổng dự toán đã phân bổ năm 2025	Số đã quyết toán			Dự ở kho bạc	Tổng cộng Kinh phí Vượt giờ còn lại năm 2025	Điều chỉnh vượt giờ HKI NH 2025- 2026 năm 2025 - đợt 10	Tổng số KP để nghị bỏ sung vượt giờ HKII NH 2024-2025 và HKI NH 2025- 2026 năm 2025	Bỏ sung dự toán vượt giờ năm 2025	
		Vượt giờ HKII NH 2024-2025	Vượt giờ HK I NH 2025- 2026	Tổng kinh phí Vượt giờ năm 2025		NS nguồn 12	NS nguồn 13	Nguồn thu						Tổng cộng
32	Trường THPT Tân Hưng	330.037	120.004	450.041				330.037	330.037	-	120.004	120.004	-	
33	Trường THPT Phan Văn Đạt	-	-	-					-	0	-462.497		-	
34	Trường THCS&THPT Bình Phong Thạnh	100.924	425.502	526.426	991.050	100.924			100.924	890.126			-	
35	Trường THCS&THPT Khánh Hưng	714.751	925.280	1.640.031	1.158.117	714.751			714.751	443.366	481.914		481.914	
36	Trường THCS&THPT Mỹ Bình	417.620	683.224	1.100.844	308.800	308.800	108.820		417.620	-	683.224		683.224	
37	Trường THCS&THPT Nguyễn Thị Một	701.813	494.529	1.196.342	110.000				-	110.000	1.086.342		1.086.342	
38	Trường THCS&THPT Hưng Diên B	444.320	671.025	1.115.345	1.139.000	444.320			444.320	694.680			-	
39	Trường THPT Nguyễn Trung Truc- Bến Lức	1.311.524	1.411.683	2.723.207	1.105.700	1.105.650	205.874		1.311.524	50	1.411.633		1.411.633	
40	Trường THPT Thiên Hộ Dương	233.328	875.147	1.108.475	541.700		233.328		233.328	541.700	333.447		333.447	
41	Trường NDTK Khuyến tiết	243.522	213.830	457.352	500.000	243.522			243.522	256.478			-	
42	Trung tâm GD TX & KTTT tỉnh			-					-		-		-	
Tổng cộng		26.424.122	28.206.589	54.630.711	20.000.000	15.037.320	5.566.024	1.258.864	21.862.208	4.962.680	27.882.129	-	27.884.030	27.805.823

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Chương: 422



BỘ SƯNG DỮ TOÀN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Đơn vị: Trường THPT Chuyên Trần Văn Giàu

Mã số: 1104078

Mã KBN nơi giao dịch: 0511

(Kèm theo Quyết định số 1480/QĐ-SGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Sở GD&ĐT)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phi, lệ phí, sự nghiệp	
I	Số thu phi, lệ phí, sự nghiệp	-
1.1	Thu sự nghiệp	-
a	Học phí	
b	Thu khác	
2	Chi từ nguồn thu phi, thu sự nghiệp được để lại	-
2.1	Chi từ nguồn thu sự nghiệp được để lại	-
	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	-
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
3	Số thu phi, lệ phí, sự nghiệp nộp NSNN	-
	Số thu sự nghiệp nộp NSNN	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	147.928
I	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	147.928
1.1	Giáo dục trung học phổ thông - MNKT 074	147.928
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
	Đã giữ lại 10% tiết kiệm tại ngân sách tỉnh	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	147.928
	Đã giữ lại 10% tiết kiệm tại ngân sách tỉnh	
1.2	Chi đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ khác cho cán bộ, công chức, viên chức - MNKT 085	-
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

BỘ SƯNG DỮ TOÀN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Đơn vị: Trường THPT Lê Quý Đôn
 Mã số: 1007232
 Mã KBN nơi giao dịch: 0511

(Kèm theo Quyết định số 1490/QĐ-SGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Sở GD&ĐT)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí, sự nghiệp	
I	Số thu phí, lệ phí, sự nghiệp	-
1.1	Thu sự nghiệp	-
a	Học phí	
b	Thu khác	
2	Chi từ nguồn thu phí, thu sự nghiệp được để lại	-
2.1	Chi từ nguồn thu sự nghiệp được để lại	-
	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	-
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
3	Số thu phí, lệ phí, sự nghiệp nộp NSNN	-
	Số thu sự nghiệp nộp NSNN	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	374.458
I	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	374.458
1.1	Giáo dục trung học phổ thông - MNKT 074	374.458
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
	Đã giữ lại 10% tiết kiệm tại ngân sách tỉnh	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	374.458
	Đã giữ lại 10% tiết kiệm tại ngân sách tỉnh	
1.2	Chi đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ khác cho cán bộ, công chức, viên chức - MNKT 085	-
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



BỘ SƯNG DỮ TOÀN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Đơn vị: Trường THPT Thủ Thừa

Mã số: 1064818

Mã KBN nơi giao dịch: 0514

(Kèm theo Quyết định số 1480/QĐ-SGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Sở GD&ĐT)

Đơn vị: 1.000 đồng

Mẫu biểu số 48

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí, sự nghiệp	
I	Số thu phí, lệ phí, sự nghiệp	-
1.1	Thu sự nghiệp	-
a	Học phí	
b	Thu khác	
2	Chi từ nguồn thu phí, thu sự nghiệp được để lại	-
2.1	Chi từ nguồn thu sự nghiệp được để lại	-
	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	-
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
3	Số thu phí, lệ phí, sự nghiệp nộp NSNN	-
	Số thu sự nghiệp nộp NSNN	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	349.410
I	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	349.410
1.1	Giáo dục trung học phổ thông - MNKT 074	349.410
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
	Đã giữ lại 10% tiết kiệm tại ngân sách tỉnh	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	349.410
	Đã giữ lại 10% tiết kiệm tại ngân sách tỉnh	
1.2	Chi đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ khác cho cán bộ, công chức, viên chức - MNKT 085	-
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



Mẫu biểu số 48

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Đơn vị: Trường THPT Mỹ Lạc
Mã số: 1064817
Mã KBN nơi giao dịch: 0514

(Kèm theo Quyết định số 1490/QĐ-SGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Sở GD&ĐT)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí, sự nghiệp	
I	Số thu phí, lệ phí, sự nghiệp	-
1.1	Thu sự nghiệp	-
a	Học phí	
b	Thu khác	
2	Chi từ nguồn thu phí, thu sự nghiệp được để lại	-
2.1	Chi từ nguồn thu sự nghiệp được để lại	-
	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	-
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
3	Số thu phí, lệ phí, sự nghiệp nộp NSNN	-
	Số thu sự nghiệp nộp NSNN	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	298.425
I	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	298.425
1.1	Giáo dục trung học phổ thông - MNKT 074	298.425
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
	Đã giữ lại 10% tiết kiệm tại ngân sách tỉnh	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	298.425
	Đã giữ lại 10% tiết kiệm tại ngân sách tỉnh	
1.2	Chi đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ khác cho cán bộ, công chức, viên chức - MNKT 085	-
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



Chương: 422

BO SƯNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Đơn vị: Trường THPT Tân Trụ

Mã số: 1006981

Mã KBNN nơi giao dịch: 0511

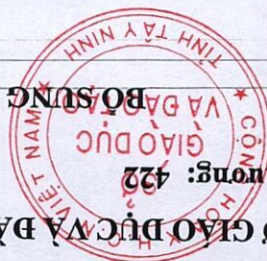
(Kèm theo Quyết định số 148/QĐ-SGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Sở GD&ĐT)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phi, lệ phí, sự nghiệp	
I	Số thu phi, lệ phí, sự nghiệp	-
1.1	Thu sự nghiệp	-
a	Học phí	
b	Thu khác	
2	Chi từ nguồn thu phi, thu sự nghiệp được để lại	-
2.1	Chi từ nguồn thu sự nghiệp được để lại	-
	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	-
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
3	Số thu phi, lệ phí, sự nghiệp nộp NSNN	-
	Số thu sự nghiệp nộp NSNN	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	310.043
I	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	310.043
1.1	Giáo dục trung học phổ thông - MNKT 074	310.043
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
	Đã giữ lại 10% tiết kiệm tài ngân sách tỉnh	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	310.043
	Đã giữ lại 10% tiết kiệm tài ngân sách tỉnh	
1.2	Chi đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ khác cho cán bộ, công chức, viên chức - MNKT 085	-
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

SỞ GIAO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Chương: 422



BỘ SƯNG DỮ TOÀN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Đơn vị: Trường THPT Nguyễn Trung Trực

Mã số: 1085007

Mã KBN nơi giao dịch: 0511

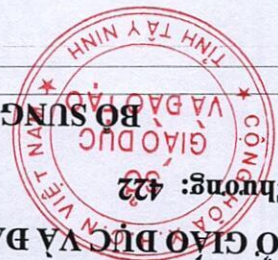
(Kèm theo Quyết định số 1490/QĐ-SGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Sở GD&ĐT)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí, sự nghiệp	
I	Số thu phí, lệ phí, sự nghiệp	-
1.1	Thu sự nghiệp	-
a	Học phí	
b	Thu khác	
2	Chi từ nguồn thu phí, thu sự nghiệp được để lại	-
2.1	Chi từ nguồn thu sự nghiệp được để lại	-
	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	-
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
3	Số thu phí, lệ phí, sự nghiệp nộp NSNN	-
	Số thu sự nghiệp nộp NSNN	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	278.680
I	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	278.680
1.1	Giáo dục trung học phổ thông - MNKT 074	278.680
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Đã giữ lại 10% tiết kiệm tài ngân sách tỉnh	
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	278.680
1.2	Chi đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ khác cho cán bộ, công chức, viên chức - MNKT 085	-
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Chương: 422



Đơn vị: Trường THPT Nguyễn Hữu Thọ

Mã số: 1044537

Mã KBN nơi giao dịch: 0514

(Kèm theo Quyết định số 1480/QĐ-SGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Sở GD&ĐT)

Mẫu biểu số 48

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí, sự nghiệp	
I	Số thu phí, lệ phí, sự nghiệp	-
1.1	Thu sự nghiệp	-
a	Học phí	
b	Thu khác	
2	Chi từ nguồn thu phí, thu sự nghiệp được để lại	-
2.1	Chi từ nguồn thu sự nghiệp được để lại	-
	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	-
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
3	Số thu phí, lệ phí, sự nghiệp nộp NSNN	-
	Số thu sự nghiệp nộp NSNN	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	778.266
I	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	778.266
1.1	Giáo dục trung học phổ thông - MNKT 074	778.266
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	23.015
	Đã giữ lại 10% tiết kiệm tại ngân sách tỉnh	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	755.251
	Đã giữ lại 10% tiết kiệm tại ngân sách tỉnh	
1.2	Chi đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ khác cho cán bộ, công chức, viên chức - MNKT 085	-
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Chương: 422



BỘ SƯNG DỮ TOÀN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Đơn vị: Trường THPT Gò Đen

Mã số: 1085010

Mã KBNN nơi giao dịch: 0514

(Kèm theo Quyết định số 1490/QĐ-SGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Sở GD&ĐT)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí, sự nghiệp	
I	Số thu phí, lệ phí, sự nghiệp	-
1.1	Thu sự nghiệp	-
a	Học phí	
b	Thu khác	
2	Chi từ nguồn thu phí, thu sự nghiệp được để lại	-
2.1	Chi từ nguồn thu sự nghiệp được để lại	-
	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	-
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
3	Số thu phí, lệ phí, sự nghiệp nộp NSNN	-
	Số thu sự nghiệp nộp NSNN	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	895.280
I	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	895.280
1.1	Giáo dục trung học phổ thông - MNKT 074	895.280
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
	Đã giữ lại 10% tiết kiệm tại ngân sách tỉnh	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	895.280
	Đã giữ lại 10% tiết kiệm tại ngân sách tỉnh	
1.2	Chi đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ khác cho cán bộ, công chức, viên chức - MNKT 085	-
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

SƠ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



Chương: 422

Mẫu biểu số 48

BỘ SƯNG DỮ TOÀN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Đơn vị: Trường THCS và THPT Lương Hòa

Mã số: 1085095

Mã KBN nơi giao dịch: 0514

(Kèm theo Quyết định số 1480/QĐ-SGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Sở GD&ĐT)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí, sự nghiệp	
I	Số thu phí, lệ phí, sự nghiệp	-
1.1	Thu sự nghiệp	-
a	Học phí	
b	Thu khác	
2	Chi từ nguồn thu phí, thu sự nghiệp được để lại	-
2.1	Chi từ nguồn thu sự nghiệp được để lại	-
	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	-
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
3	Số thu phí, lệ phí, sự nghiệp nộp NSNN	-
	Số thu sự nghiệp nộp NSNN	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	1.198.608
I	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	1.198.608
1.1	Giáo dục trung học phổ thông - MNKT 074	1.198.608
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
	Đã giữ lại 10% tiết kiệm tại ngân sách tỉnh	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.198.608
	Đã giữ lại 10% tiết kiệm tại ngân sách tỉnh	
1.2	Chi đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ khác cho cán bộ, công chức, viên chức - MNKT 085	-
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	



BỘ SƯNG DỮ TOÀN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Đơn vị: Trường THPT Cần Giuộc

Mã số: 1044543

Mã KBN nơi giao dịch: 0518

(Kèm theo Quyết định số 1490/QĐ-SGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Sở GD&ĐT)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí, sự nghiệp	
I	Số thu phí, lệ phí, sự nghiệp	-
1.1	Thu sự nghiệp	-
a	Học phí	
b	Thu khác	
2	Chi từ nguồn thu phí, thu sự nghiệp được để lại	-
2.1	Chi từ nguồn thu sự nghiệp được để lại	-
	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	-
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
3	Số thu phí, lệ phí, sự nghiệp nộp NSNN	-
	Số thu sự nghiệp nộp NSNN	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	1.275.681
I	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	1.275.681
1.1	Giáo dục trung học phổ thông - MNKT 074	1.275.681
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
	Đã giữ lại 10% tiết kiệm tại ngân sách tỉnh	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.275.681
	Đã giữ lại 10% tiết kiệm tại ngân sách tỉnh	
1.2	Chi đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ khác cho cán bộ, công chức, viên chức - MNKT 085	-
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Chương: 422



Đơn vị: Trường THPT Nguyễn Đình Chiểu

Mã số: 1085011

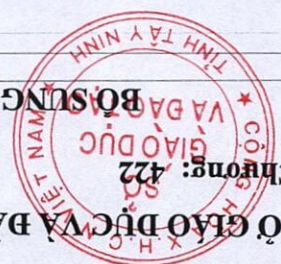
Mã KBN nơi giao dịch: 0518

(Kèm theo Quyết định số 1490/QĐ-SGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Sở GD&ĐT)

Đơn vị: 1.000 đồng

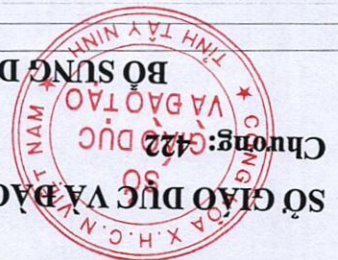
Mẫu biểu số 48

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí, sự nghiệp	
I	Số thu phí, lệ phí, sự nghiệp	-
1.1	Thu sự nghiệp	-
a	Học phí	
b	Thu khác	
2	Chi từ nguồn thu phí, thu sự nghiệp được để lại	-
2.1	Chi từ nguồn thu sự nghiệp được để lại	-
	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	-
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
3	Số thu phí, lệ phí, sự nghiệp nộp NSNN	-
	Số thu sự nghiệp nộp NSNN	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	1.780.464
I	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	1.780.464
1.1	Giáo dục trung học phổ thông - MNKT 074	1.780.464
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
	Đã giữ lại 10% tiết kiệm tài ngân sách tỉnh	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.780.464
	Đã giữ lại 10% tiết kiệm tài ngân sách tỉnh	
1.2	Chi đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ khác cho cán bộ, công chức, viên chức - MNKT 085	-
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	



STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí, sự nghiệp	
I	Số thu phí, lệ phí, sự nghiệp	-
1.1	Thu sự nghiệp	-
a	Học phí	
b	Thu khác	
2	Chi từ nguồn thu phí, thu sự nghiệp được để lại	-
2.1	Chi từ nguồn thu sự nghiệp được để lại	-
	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	-
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
3	Số thu phí, lệ phí, sự nghiệp nộp NSNN	-
	Số thu sự nghiệp nộp NSNN	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	807.757
I	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	807.757
1.1	Giáo dục trung học phổ thông - MNKT 074	807.757
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
	Đã giữ lại 10% tiết kiệm tài ngân sách tỉnh	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	807.757
	Đã giữ lại 10% tiết kiệm tài ngân sách tỉnh	
1.2	Chi đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ khác cho cán bộ, công chức, viên chức - MNKT 085	-
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



Mẫu biểu số 48

BỘ SƯNG DỮ TOÀN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Đơn vị: Trường THPT Chu Văn An

Mã số: 1085012

Mã KBN nơi giao dịch: 0518

(Kèm theo Quyết định số 199/QĐ-SGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Sở GD&ĐT)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí, sự nghiệp	
I	Số thu phí, lệ phí, sự nghiệp	-
1.1	Thu sự nghiệp	-
a	Học phí	
b	Thu khác	
2	Chi từ nguồn thu phí, thu sự nghiệp được để lại	-
2.1	Chi từ nguồn thu sự nghiệp được để lại	-
	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	-
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
3	Số thu phí, lệ phí, sự nghiệp nộp NSNN	-
	Số thu sự nghiệp nộp NSNN	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	714.660
I	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	714.660
1.1	Giáo dục trung học phổ thông - MNKT 074	714.660
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
	Đã giữ lại 10% tiết kiệm tại ngân sách tỉnh	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	714.660
	Đã giữ lại 10% tiết kiệm tại ngân sách tỉnh	
1.2	Chi đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ khác cho cán bộ, công chức, viên chức - MNKT 085	-
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Chương: 422



BỘ SƯ TỬ DỤC DƯ TOÀN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Đơn vị: Trường THPT Đồng Thành

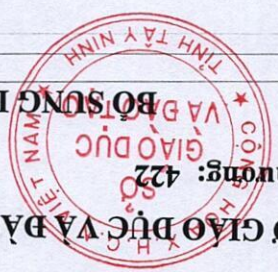
Mã số: 1044545

Mã KBN nơi giao dịch: 0518

(Kèm theo Quyết định số 1480/QĐ-SGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Sở GD&ĐT)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí, sự nghiệp	
I	Số thu phí, lệ phí, sự nghiệp	-
1.1	Thu sự nghiệp	-
a	Học phí	
b	Thu khác	
2	Chi từ nguồn thu phí, thu sự nghiệp được để lại	-
2.1	Chi từ nguồn thu sự nghiệp được để lại	-
	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	-
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
3	Số thu phí, lệ phí, sự nghiệp nộp NSNN	-
	Số thu sự nghiệp nộp NSNN	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	2.109.041
I	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	2.109.041
1.1	Giáo dục trung học phổ thông - MNKT 074	2.109.041
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
	Đã giữ lại 10% tiết kiệm tại ngân sách tỉnh	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.109.041
	Đã giữ lại 10% tiết kiệm tại ngân sách tỉnh	
1.2	Chi đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ khác cho cán bộ, công chức, viên chức - MNKT 085	-
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	



BỘ SỔNG DƯ TOÀN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Đơn vị: Trường THPT Long Hựu Đông

Mã số: 1084779

Mã KBNN nơi giao dịch: 0518

(Kèm theo Quyết định số 1490/QĐ-SGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Sở GD&ĐT)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí, sự nghiệp	
I	Số thu phí, lệ phí, sự nghiệp	-
1.1	Thu sự nghiệp	-
a	Học phí	
b	Thu khác	
2	Chi từ nguồn thu phí, thu sự nghiệp được để lại	-
2.1	Chi từ nguồn thu sự nghiệp được để lại	-
	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	-
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
3	Số thu phí, lệ phí, sự nghiệp nộp NSNN	-
	Số thu sự nghiệp nộp NSNN	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	102.929
I	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	102.929
1.1	Giáo dục trung học phổ thông - MNKT 074	102.929
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
	Đã giữ lại 10% tiết kiệm tại ngân sách tỉnh	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	102.929
	Đã giữ lại 10% tiết kiệm tại ngân sách tỉnh	
1.2	Chi đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ khác cho cán bộ, công chức, viên chức - MNKT 085	-
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



Mẫu biểu số 48

BỘ SƯNG DỮ TOÀN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Đơn vị: Trường THPT Đức Hòa

Mã số: 1060389

Mã KBNN nơi giao dịch: 0516

(Kèm theo Quyết định số 1490/QĐ-SGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Sở GD&ĐT)

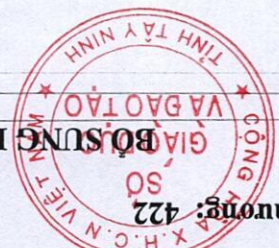
Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí, sự nghiệp	
I	Số thu phí, lệ phí, sự nghiệp	-
1.1	Thu sự nghiệp	-
a	Học phí	
b	Thu khác	
2	Chi từ nguồn thu phí, thu sự nghiệp được để lại	-
2.1	Chi từ nguồn thu sự nghiệp được để lại	-
	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	-
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
3	Số thu phí, lệ phí, sự nghiệp nộp NSNN	-
	Số thu sự nghiệp nộp NSNN	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	1.940.310
I	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	1.940.310
1.1	Giáo dục trung học phổ thông - MNKT 074	1.940.310
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
	Đã giữ lại 10% tiết kiệm tại ngân sách tỉnh	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.940.310
	Đã giữ lại 10% tiết kiệm tại ngân sách tỉnh	
1.2	Chi đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ khác cho cán bộ, công chức, viên chức - MNKT 085	-
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

STT	Nội dung	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí, sự nghiệp
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí, sự nghiệp	
I	Số thu phí, lệ phí, sự nghiệp	-
1.1	Thu sự nghiệp	-
a	Học phí	
b	Thu khác	
2	Chi từ nguồn thu phí, thu sự nghiệp được để lại	-
2.1	Chi từ nguồn thu sự nghiệp được để lại	-
	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	-
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
3	Số thu phí, lệ phí, sự nghiệp nộp NSNN	-
	Số thu sự nghiệp nộp NSNN	-
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	1.601.164
I	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	1.601.164
1.1	Giáo dục trung học phổ thông - MNKT 074	1.601.164
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
	Đã giữ lại 10% tiết kiệm tại ngân sách tỉnh	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.601.164
	Đã giữ lại 10% tiết kiệm tại ngân sách tỉnh	
1.2	Chi đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ khác cho cán bộ, công chức, viên chức - MNKT 085	-
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

SỔ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Mẫu biểu số 48



Chương: 422

Đơn vị: Trường THPT Hậu Nghĩa

Mã số: 1060388

Mã KBNN nơi giao dịch: 0516

(Kèm theo Quyết định số 1480/QĐ-SGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Sở GD&ĐT)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí, sự nghiệp	
I	Số thu phí, lệ phí, sự nghiệp	-
1.1	Thu sự nghiệp	-
a	Học phí	
b	Thu khác	
2	Chi từ nguồn thu phí, thu sự nghiệp được để lại	-
2.1	Chi từ nguồn thu sự nghiệp được để lại	-
	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	-
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
3	Số thu phí, lệ phí, sự nghiệp nộp NSNN	-
	Số thu sự nghiệp nộp NSNN	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	1.882.497
I	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	1.882.497
1.1	Giáo dục trung học phổ thông - MNKT 074	1.882.497
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
	Đã giữ lại 10% tiết kiệm tại ngân sách tỉnh	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.882.497
	Đã giữ lại 10% tiết kiệm tại ngân sách tỉnh	
1.2	Chi đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ khác cho cán bộ, công chức, viên chức - MNKT 085	-
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	



BỘ SƯNG DỮ TOÀN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Đơn vị: Trường THPT An Ninh

Mã số: 1060390

Mã KBNN nơi giao dịch: 0516

(Kèm theo Quyết định số 1480/QĐ-SGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Sở GD&ĐT)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí, sự nghiệp	
I	Số thu phí, lệ phí, sự nghiệp	-
1.1	Thu sự nghiệp	-
a	Học phí	
b	Thu khác	
2	Chi từ nguồn thu phí, thu sự nghiệp được để lại	-
2.1	Chi từ nguồn thu sự nghiệp được để lại	-
	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	-
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
3	Số thu phí, lệ phí, sự nghiệp nộp NSNN	-
	Số thu sự nghiệp nộp NSNN	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	1.316.847
I	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	1.316.847
1.1	Giáo dục trung học phổ thông - MNKT 074	1.316.847
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
	Đã giữ lại 10% tiết kiệm tài ngân sách tỉnh	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.316.847
	Đã giữ lại 10% tiết kiệm tài ngân sách tỉnh	
1.2	Chi đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ khác cho cán bộ, công chức, viên chức - MNKT 085	-
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

SƠ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Chương: 422



BỘ SƯ TẬP DỮ TOÀN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Đơn vị: Trường THPT Đức Huệ

Mã số: 1044538

Mã KBNN nơi giao dịch: 0516

(Kèm theo Quyết định số 1490/QĐ-SGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Sở GD&ĐT)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí, sự nghiệp	
I	Số thu phí, lệ phí, sự nghiệp	-
1.1	Thu sự nghiệp	-
a	Học phí	
b	Thu khác	
2	Chi từ nguồn thu phí, thu sự nghiệp được để lại	-
2.1	Chi từ nguồn thu sự nghiệp được để lại	-
	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	-
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
3	Số thu phí, lệ phí, sự nghiệp nộp NSNN	-
	Số thu sự nghiệp nộp NSNN	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	1.726.393
I	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	1.726.393
1.1	Giáo dục trung học phổ thông - MNKT 074	1.726.393
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
	Đã giữ lại 10% tiết kiệm tại ngân sách tỉnh	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.726.393
	Đã giữ lại 10% tiết kiệm tại ngân sách tỉnh	
1.2	Chi đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ khác cho cán bộ, công chức, viên chức - MNKT 085	-
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



BỘ SƯNG DỮ TOÀN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Đơn vị: Trường THCS và THPT Mỹ Quý

Mã số: 1084781

Mã KBN nơi giao dịch: 0516

(Kèm theo Quyết định số 1480/QĐ-SGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Sở GD&ĐT)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí, sự nghiệp	
I	Số thu phí, lệ phí, sự nghiệp	-
1.1	Thu sự nghiệp	-
a	Học phí	
b	Thu khác	
2	Chi từ nguồn thu phí, thu sự nghiệp được để lại	-
2.1	Chi từ nguồn thu sự nghiệp được để lại	-
	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	-
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
3	Số thu phí, lệ phí, sự nghiệp nộp NSNN	-
	Số thu sự nghiệp nộp NSNN	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	1.261.342
I	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	1.261.342
1.1	Giáo dục trung học phổ thông - MNKT 074	1.261.342
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
	Đã giữ lại 10% tiết kiệm tại ngân sách tỉnh	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.261.342
	Đã giữ lại 10% tiết kiệm tại ngân sách tỉnh	
1.2	Chi đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ khác cho cán bộ, công chức, viên chức - MNKT 085	-
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Chương: 422



BỘ SƯNG DỮ TOÀN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Đơn vị: Trường THPT Thanh Hóa

Mã số: 1044277

Mã KBNN nơi giao dịch: 0520

(Kèm theo Quyết định số 1490/QĐ-SGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Sở GD&ĐT)

Đơn vị: 1.000 đồng

Mẫu biểu số 48

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí, sự nghiệp	
I	Số thu phí, lệ phí, sự nghiệp	-
1.1	Thu sự nghiệp	-
a	Học phí	
b	Thu khác	
2	Chi từ nguồn thu phí, thu sự nghiệp được để lại	-
2.1	Chi từ nguồn thu sự nghiệp được để lại	-
	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	-
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
3	Số thu phí, lệ phí, sự nghiệp nộp NSNN	-
	Số thu sự nghiệp nộp NSNN	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	627.027
I	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	627.027
1.1	Giáo dục trung học phổ thông - MNKT 074	627.027
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
	Đã giữ lại 10% tiết kiệm tại ngân sách tỉnh	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	627.027
	Đã giữ lại 10% tiết kiệm tại ngân sách tỉnh	
1.2	Chi đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ khác cho cán bộ, công chức, viên chức - MNKT 085	-
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Mẫu biểu số 48



BỘ SƯNG DỮ TOÀN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Đơn vị: Trường THPT Tân Thạnh

Mã số: 1064670

Mã KBNV nơi giao dịch: 0520

(Kèm theo Quyết định số 1480/QĐ-SGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Sở GD&ĐT)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí, sự nghiệp	
I	Số thu phí, lệ phí, sự nghiệp	-
1.1	Thu sự nghiệp	-
a	Học phí	
b	Thu khác	
2	Chi từ nguồn thu phí, thu sự nghiệp được để lại	-
2.1	Chi từ nguồn thu sự nghiệp được để lại	-
	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	-
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
3	Số thu phí, lệ phí, sự nghiệp nộp NSNN	-
	Số thu sự nghiệp nộp NSNN	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	839.997
I	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	839.997
1.1	Giáo dục trung học phổ thông - MNKT 074	839.997
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
	Đã giữ lại 10% tiết kiệm tại ngân sách tỉnh	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	839.997
	Đã giữ lại 10% tiết kiệm tại ngân sách tỉnh	
1.2	Chi đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ khác cho cán bộ, công chức, viên chức - MNKT 085	-
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

BỘ SƯNG DỮ TOÀN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Đơn vị: Trường THCS và THPT Hậu Thạnh Đông

Mã số: 1064669

Mã KBTN nơi giao dịch: 0520

(Kèm theo Quyết định số 1490/QĐ-SGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Sở GD&ĐT)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí, sự nghiệp	-
I	Số thu phí, lệ phí, sự nghiệp	-
1.1	Thu sự nghiệp	-
a	Học phí	-
b	Thu khác	-
2	Chi từ nguồn thu phí, thu sự nghiệp được để lại	-
2.1	Chi từ nguồn thu sự nghiệp được để lại	-
	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	-
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
3	Số thu phí, lệ phí, sự nghiệp nộp NSNN	-
	Số thu sự nghiệp nộp NSNN	-
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	1.188.109
I	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	1.188.109
1.1	Giáo dục trung học phổ thông - MNKT 074	1.188.109
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
	Đã giữ lại 10% tiết kiệm tại ngân sách tỉnh	-
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.188.109
	Đã giữ lại 10% tiết kiệm tại ngân sách tỉnh	-
1.2	Chi đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ khác cho cán bộ, công chức, viên chức - MNKT 085	-
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



BỘ SƯNG DỮ TOÀN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Đơn vị: Trường THPT Vĩnh Hưng

Mã số: 1007230

Mã KBTN nơi giao dịch: 0524

(Kèm theo Quyết định số 1490/QĐ-SGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Sở GD&ĐT)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí, sự nghiệp	
I	Số thu phí, lệ phí, sự nghiệp	-
1.1	Thu sự nghiệp	-
a	Học phí	
b	Thu khác	
2	Chi từ nguồn thu phí, thu sự nghiệp được để lại	-
2.1	Chi từ nguồn thu sự nghiệp được để lại	-
	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	-
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
3	Số thu phí, lệ phí, sự nghiệp nộp NSNN	-
	Số thu sự nghiệp nộp NSNN	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	26.962
I	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	26.962
1.1	Giáo dục trung học phổ thông - MNKT 074	26.962
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
	Đã giữ lại 10% tiết kiệm tại ngân sách tỉnh	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	26.962
	Đã giữ lại 10% tiết kiệm tại ngân sách tỉnh	
1.2	Chi đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ khác cho cán bộ, công chức, viên chức - MNKT 085	-
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

BỘ SƯNG DỮ TOÀN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Đơn vị: Trường THCS và THPT Khánh Hưng

Mã số: 1084651

Mã KBN nơi giao dịch: 0524

(Kèm theo Quyết định số 1490/QĐ-SGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Sở GD&ĐT)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí, sự nghiệp	
I	Số thu phí, lệ phí, sự nghiệp	-
1.1	Thu sự nghiệp	-
a	Học phí	
b	Thu khác	
2	Chi từ nguồn thu phí, thu sự nghiệp được để lại	-
2.1	Chi từ nguồn thu sự nghiệp được để lại	-
	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	-
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
3	Số thu phí, lệ phí, sự nghiệp nộp NSNN	-
	Số thu sự nghiệp nộp NSNN	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	481.914
I	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	481.914
1.1	Giáo dục trung học phổ thông - MNKT 074	481.914
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
	Đã giữ lại 10% tiết kiệm tại ngân sách tỉnh	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	481.914
	Đã giữ lại 10% tiết kiệm tại ngân sách tỉnh	
1.2	Chi đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ khác cho cán bộ, công chức, viên chức - MNKT 085	-
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

BỘ SƯNG DỮ TOÀN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Đơn vị: Trường THCS và THPT Mỹ Bình

Mã số: 1085298

Mã KBNN noi giao dich: 0516

(Kèm theo Quyết định số 449/QĐ-SGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Sở GD&ĐT)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí, sự nghiệp	
I	Số thu phí, lệ phí, sự nghiệp	-
1.1	Thu sự nghiệp	-
a	Học phí	
b	Thu khác	
2	Chi từ nguồn thu phí, thu sự nghiệp được để lại	-
2.1	Chi từ nguồn thu sự nghiệp được để lại	-
	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	-
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
3	Số thu phí, lệ phí, sự nghiệp nộp NSNN	-
	Số thu sự nghiệp nộp NSNN	-
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	683.224
I	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	683.224
1.1	Giáo dục trung học phổ thông - MNKT 074	683.224
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
	Đã giữ lại 10% tiết kiệm tại ngân sách tỉnh	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	683.224
	Đã giữ lại 10% tiết kiệm tại ngân sách tỉnh	
1.2	Chi đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ khác cho cán bộ, công chức, viên chức - MNKT 085	-
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

BỘ SƯNG DỮ TOÀN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
 Đơn vị: Trường THCS và THPT Nguyễn Thị Một

Mã số: 1084911
 Mã KBN nơi giao dịch: 0518

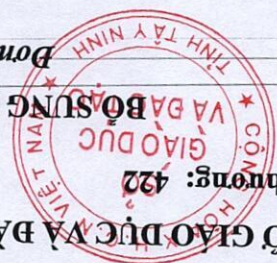
(Kèm theo Quyết định số 1490/QĐ-SGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Sở GD&ĐT)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí, sự nghiệp	
I	Số thu phí, lệ phí, sự nghiệp	-
1.1	Thu sự nghiệp	-
a	Học phí	
b	Thu khác	
2	Chi từ nguồn thu phí, thu sự nghiệp được để lại	-
2.1	Chi từ nguồn thu sự nghiệp được để lại	-
	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	-
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
3	Số thu phí, lệ phí, sự nghiệp nộp NSNN	-
	Số thu sự nghiệp nộp NSNN	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	1.086.342
I	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	1.086.342
1.1	Giáo dục trung học phổ thông - MNKT 074	1.086.342
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
	Đã giữ lại 10% tiết kiệm tại ngân sách tỉnh	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.086.342
	Đã giữ lại 10% tiết kiệm tại ngân sách tỉnh	
1.2	Chi đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ khác cho cán bộ, công chức, viên chức - MNKT 085	-
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Chương: 422



BỘ SƯNG DỮ TOÀN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Đơn vị: Trường THPT Nguyễn Trung Trực - Bến Lức

Mã số: 1132750

Mã KBN nơi giao dịch: 0514

(Kèm theo Quyết định số 1490/QĐ-SGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Sở GD&ĐT)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phi, lệ phí, sự nghiệp	
I	Số thu phi, lệ phí, sự nghiệp	-
1.1	Thu sự nghiệp	-
a	Học phí	
b	Thu khác	
2	Chi từ nguồn thu phi, thu sự nghiệp được để lại	-
2.1	Chi từ nguồn thu sự nghiệp được để lại	-
	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	-
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
3	Số thu phi, lệ phí, sự nghiệp nộp NSNN	-
	Số thu sự nghiệp nộp NSNN	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	1.411.633
I	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	1.411.633
1.1	Giáo dục trung học phổ thông - MNKT 074	1.411.633
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
	Đã giữ lại 10% tiết kiệm tại ngân sách tỉnh	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.411.633
	Đã giữ lại 10% tiết kiệm tại ngân sách tỉnh	
1.2	Chi đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ khác cho cán bộ, công chức, viên chức - MNKT 085	-
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



Chương: 422

BỘ SƯNG DỮ TOÀN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Đơn vị: Trường THPT Thiên Hộ Dương

Mã số: 1131237

Mã KBN nơi giao dịch: 0526

(Kèm theo Quyết định số 1490/QĐ-SGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Sở GD&ĐT)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí, sự nghiệp	
I	Số thu phí, lệ phí, sự nghiệp	-
1.1	Thu sự nghiệp	-
a	Học phí	
b	Thu khác	
2	Chi từ nguồn thu phí, thu sự nghiệp được để lại	-
2.1	Chi từ nguồn thu sự nghiệp được để lại	-
	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	-
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
3	Số thu phí, lệ phí, sự nghiệp nộp NSNN	-
	Số thu sự nghiệp nộp NSNN	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	333.447
I	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	333.447
1.1	Giáo dục trung học phổ thông - MNKT 074	333.447
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
	Đã giữ lại 10% tiết kiệm tại ngân sách tỉnh	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	333.447
	Đã giữ lại 10% tiết kiệm tại ngân sách tỉnh	
1.2	Chi đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ khác cho cán bộ, công chức, viên chức - MNKT 085	-
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	